TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07 -5-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và
Tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dũng
Ông Nguyễn Đắc Liệt

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa**: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1177/2018/HNST ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX - ST ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 18 - 4 -2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị l - sinh năm:1984
Địa chỉ: A 1815 - Chung cư 21 tầng, trung tâm thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu A - sinh năm 1981
Địa chỉ: A 1815 - Chung cư 21 tầng, trung tâm thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị Phan Thị I có những yêu cầu sau:

Chị Phan Thị l và anh Nguyễn Hữu A đi đến hôn nhân sau 01 năm tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng

Yên vào tháng 11 năm 2002, cuộc sống hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung chị I và anh A có với nhau 02 người con là Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như N - sinh ngày 15 -02 - 2006.

Trong thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chị I, anh Ahạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống giữa chị I, anh A không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Giữa chị I và anh A thường xuyên to tiếng với nhau làm ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của hai con.

Nguyên nhân mâu thuẫn chị I cho rằng anh A có máu cờ bạc, vay nợ nặng lãi nhiều lần chị I phải đứng ra trả nợ thay do áp lực của dân cho vay nặng lãi. Nhiều lần giữa chị I to nhỏ khuyên cam mục đích muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng anh A không thay đổi. Nay chị Yến thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu A - sinh năm 1981.

Về con chung: 02 người con là Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như N - sinh ngày 15 -02 - 2006. Chị Yến có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả hai con.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh Hoàng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung chị Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu A có ý kiến: Về hôn nhân anh A xác nhận có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Đại Tập, tỉnh Hưng Yên năm 2002. Anh A xác nhận anh có nợ nần nhưng đã trả nên không ảnh hưởng đến gia đình.

Anh A , chị I có 02 người con người con là Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như N - sinh ngày 15 -02 – 2006. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh A yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị M, không yêu cầu chị I cấp dưỡng nuôi con.

Người có quyền , lợi ích được bảo vệ: Cháu M, cháu N có ý kiến; Nếu bố mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự.Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều 239, điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn chị I đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh A không chấp chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị I có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị I.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chị Phan Thị I . Chị Phan Thị I được ly hôn với anh Nguyễn Hữu A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 81,82,83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử giao con là Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như N - sinh ngày 15 -02 - 2006, cho chị Phan Thị Yến trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; Nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Phan Thị I và anh Nguyễn Hữu A. Các đương sự hiện cư trú thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 18 -4 -2019, Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Hoàn được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do, nay anh A vắng mặt lần thứ hai không lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu A. Ngày 16-4-2019, nguyên đơn chị Phan Thị I có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị I.

Về nội dung:

[2] Ngày 20-11-2002, chị Phan Thị I và anh Nguyễn Hữu A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân,huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị I và anh A là đúng quy định của pháp luật.

Chị I cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh A cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh A, chị I có bất đồng quan điểm sống nhưng không đồng ý ly hôn.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương cho biết cuộc sống chung của chị I và anh A tại phòng A1815 - Chung cư 21 tầng, trung tâm thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu có lục đục, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị I , anh A làm nghề buôn bán tự do. Qua thông tin được biết chị I , anh A đã làm đơn ly hôn. Còn mâu thuẫn của gia đình chị I , anh A nguyên nhân do đâu chính quyền địa phương không rõ.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Phan Thị Ivà anh Nguyễn Hữu A là có thật, đúng như việc chị I cho biết và anh A có xác nhận; Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị I và anh A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Có đủ căn cứ áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị I; Chị Phan Thị I được ly hôn với anh Nguyễn Hữu A.

[4] Về con : Chị I và anh A có Hai con chung; Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như N - sinh ngày 15 -02 - 2006. Anh A và chị I tranh chấp về người trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của chị I, anh A nhận thấy:

Chị I hiện buôn bán tại chợ phường 7, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ(Mười triệu đồng); Anh A chị phụ chị I buôn bán chứ không có nghề ổn định.

Nơi cư trú nhà A 1815 - Chung cư 21 tầng, trung tâm thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu do chị I và anh A thuê.

Cháu Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Thị Như N có nguyện vọng được ở với chị I. Hai con là nữ giới đang tuổi phát triển về tâm sinh lý, về giới nên yêu cầu là người được quyền trực tiếp nuôi hai con của chị I và nguyện vọng của của cháu M, cháu N là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định ở trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ giao cháu Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Thị Như N cho chị Phan Thị I là người được quyền trực tiếp nuôi cả hai con.

Chị I cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh A cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị I.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị I không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của cháu M, cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Án phí HNST:Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Phan Thị I phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006355 ngày 03 tháng 12 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Chị Phan Thị I đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 và điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân tuyên xử: Chị Phan Thị I được ly hôn với anh Nguyễn Hữu A.

- Về con: Giao con Nguyễn Thị M - sinh ngày 02 - 11 - 2003 và Nguyễn Thị Như M - sinh ngày 15 - 02 - 2006., cho chị Phan Thị I là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị I cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Atrong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh A cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị I.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí HNST: Chị Phan Thị I phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006355 ngày 03 tháng 12 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Chị Phan Thị I đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc